TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/DS-ST
Ngày: 10-8-2021
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Xuân Thụ.

- Ông Hoàng Tuyển.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Hồ Quang Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2021/TLST - DS, ngày 30 tháng 3 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266-268 đường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần K - Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, kiêm Trưởng phòng giao dịch Ea H'Leo theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 3979/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020 của tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S; có mặt.

Địa chỉ: Số 435 đường G, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1989; có mặt.

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1991; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc người đại diện cho nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 03/01/2019, ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D có ký Hợp đồng tín dụng số LD 1900200052 với Ngân hàng TMCP S để vay như sau: Số tiền vay là:

400.000.000.000 đồng; Mục đích sử dụng tiền vay: Sản xuất nông nghiệp; Lãi suất vay: 10,5%/năm tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng; Thời hạn vay: 12 tháng.

Đến ngày 04/01/2020 ông H bà D có nhu cầu tiếp tục vay vốn để đầu tư sản xuất nông nghiệp, nên ký thỏa thuận sửa đổi hợp đồng cho vay số 01/LD1900200052, thời hạn vay 12 tháng; ngày trả nợ cuối cùng 02/01/2021.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên ông H và bà D đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 0005/2019/TC/EHL ngày 03/01/2019 với ngân hàng TMCP S. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng 168m^2 đất, thuộc thửa đất số 762, tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BN562917, số vào sổ cấp GCN: CH01015 do Ủy ban nhân dân huyện Ea H'Leo cấp ngày 02/7/2013 cho hộ ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D, địa chỉ thửa đất tại thôn 1, xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Quyền sử dụng 9.600m^2 đất, thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 8 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: P039093, số vào sổ cấp GCN: 212738 do Ủy ban nhân dân huyện Ea H'Leo cấp ngày 10/10/2001 cho hộ ông Nguyễn Hải H, địa chỉ thửa đất tại xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 24/12/2018 tặng cho cho Nguyễn Minh H và Nguyễn Thị D.

Trong quá trình vay vốn, ông H bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cũng như nợ lãi, ngân hàng S đã nhiều lần liên hệ làm việc trực tiếp, thông báo nợ quá hạn, yêu cầu ông H và bà D thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, cho đến nay ông H và bà D vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho ngân hàng, vi phạm nghiêm trọng các nội dung thỏa thuận mà hai bên đã ký kết.

Để đảm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, ngân hàng S đề nghị Tòa án xem xét giải quyết các yêu cầu sau:

Buộc ông H và bà D phải trả cho ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/01/2021 là: nợ gốc là 400.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là 46.280.548 đồng, tiền lãi vượt trong hạn 1.846.379 đồng. Ông H và bà D phải chịu số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/3/2021 theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng mà ông H và bà D đã ký với ngân hàng S cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông H và bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu nêu trên thì ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà ông H, bà D đã thế chấp.

Về án phí dân sự và chi phí tố tụng: Yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác.

Tại biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:

Ngày 03/01/2019, tôi (Nguyễn Minh H) và vợ là bà Nguyễn Thị D có ký Hợp đồng tín dụng số LD 1900200052 với Ngân hàng TMCP S để vay như sau: Số tiền vay là: 400.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: Sản xuất nông nghiệp. Lãi suất vay: 10,5%/năm tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay: 12 tháng.

Đến ngày 04/01/2020 ông H bà D có nhu cầu tiếp tục vay vốn để đầu tư sản xuất nông nghiệp, nên ký thỏa thuận sửa đổi hợp đồng cho vay số 01/LD 1900200052, thời hạn vay 12 tháng; ngày trả nợ cuối cùng 02/01/2021.

Đến hạn thanh toán, do kinh tế gia đình khó khăn, chị D bỏ đi khỏi nhà nên không thanh toán nợ như đã thỏa thuận. Đến thời điểm ngày 28/01/2021 tôi và bà D còn nợ 448.126.927 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 400.000.000 đồng. Lãi trong hạn: 46.280.548 đồng. Lãi vượt trong hạn: 1.846.379 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên tôi và bà D đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 0005/2019/TC/EHL ngày 03/01/2019 với ngân hàng Sài Gòn Thương Tín. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng 168m^2 đất, thuộc thửa đất số 762, tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BN562917, số vào sổ cấp GCN: CH01015 do Ủy ban nhân dân huyện Ea H'Leo cấp ngày 02/7/2013 cho hộ ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D, địa chỉ thửa đất tại thôn 1, xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Quyền sử dụng 9.600m^2 đất, thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 8 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: P039093, số vào sổ cấp GCN: 212738 do Ủy ban nhân dân huyện Ea H'Leo cấp ngày 10/10/2001 cho hộ ông Nguyễn Hải H, địa chỉ thửa đất tại xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 24/12/2018 tặng cho cho Nguyễn Minh H và Nguyễn Thị D.

Nay ngân hàng yêu cầu vợ chồng tôi trả số 448.126.927 đồng (tạm tính đến ngày 28/01/2021). Tôi chấp nhận trả nợ cho ngân hàng chậm nhất là ngày 30/10/2021.

Nếu trong trường hợp tôi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp nêu trên sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ vay.

Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Tôi chấp nhận chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Về án phí dân sự: Tôi chấp nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng do kinh tế khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo nên xin miễn tiền án phí dân sự.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành làm việc được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng

xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số nợ gốc 400.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Cần chấp nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S với bị đơn ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt; mặt khác, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng cho nguyên đơn cũng yêu cầu không tiến hành hòa giải, theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự với bà D được.

Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà D đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn không đến tham gia. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Ngày 03/01/2019 bà ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D và ngân hàng thương mại cổ phần S ký hợp đồng tín dụng số LD1900200052 để vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay là phục vụ nông nghiệp. Ngân hàng thương mại cổ phần S đã giải ngân 400.000.000 đồng cho ông H bà D. Đến ngày 04/01/2020 ông H bà D có nhu cầu tiếp tục vay vốn để đầu tư sản xuất nông nghiệp, nên ký thỏa thuận sửa đổi hợp đồng cho vay số 01/LD 1900200052, thời hạn vay 12 tháng; ngày trả nợ cuối cùng 02/01/2021.

Đến hạn thanh toán, ông H bà D không thanh toán cho ngân hàng số nợ gốc và lãi suất như thỏa thuận. Hiện nay, còn nợ 400.000.000 đồng tiền nợ gốc, lãi trong hạn là 69.123.228 đồng, lãi vượt trong hạn 38.880.000 đồng (tính đến ngày 10/8/2021).

Xét thấy, việc thiết lập các hợp đồng tín dụng nêu trên giữa ngân hàng thương mại cổ phần S với ông H bà D tuy không có công chứng, chứng thực nhưng trong quá trình làm việc ông Hưng thừa nhận có ký kết hợp đồng nêu trên; mặt khác, trong hợp đồng thế chấp tài sản số 0005/2019/TC/EHL ngày 03/01/2019 giữa ngân hàng thương mại cổ phần S với ông H bà D được công chứng tại Văn phòng công chứng Lê Văn Thông, số công chứng 000053, quyển 03, ngày 03/01/2019, tại Điều 1 của hợp đồng có dẫn chiếu *"Nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm toàn bộ nghĩa nghĩa vụ của bên vay đối với Sacombank được quy định tại hợp đồng cho vay số: LD 1900200052 ngày 03/01/2019 ký kết giữa Sacombank và bên vay và các văn bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng nêu trên nếu có…"*. Tại Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 01/LD1900200052 ngày 02/01/2020 cũng căn cứ vào hợp đồng LD1900200052 nên theo quy định tại điểm c khoản 1 khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đó là những tình tiết không phải chứng minh.

Như vậy, việc ông H bà D có nợ của ngân hàng thương mại cổ phần S 400.000.000 đồng tiền nợ gốc là có thật, việc thiết lập hợp đồng vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ngân hàng thương mại cổ phần S đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nhưng ông H bà D đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Việc ông H và bà D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng thương mại cổ phần S, nên Ngân hàng yêu cầu ông H bà D phải trả nợ gốc 400.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là 69.123.288 đồng, tiền lãi vượt trong hạn 38.880.000 đồng (tính đến ngày 10/8/2021) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về thời hạn trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H cho rằng do kinh tế gia đình khó khăn, bà D, đã bỏ đi khỏi nhà nên không có khả năng trả ngay số nợ trên mà xin trả chậm nhất vào ngày 30/10/2021 nhưng người đại diện cho nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy, ý kiến của ông H về thời hạn trả nợ như trên là không hợp lý và không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản: Bảo đảm tiền vay ông H bà D đã ký với ngân hàng thương mại cổ phần S hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0005/2019/TC/EHL ngày 03/01/2019. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 168m^2 đất, thuộc thửa đất số 762, tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BN562917, số vào sổ cấp GCN: CH01015 do Ủy ban nhân dân huyện Ea H'Leo cấp ngày 02/7/2013 cho hộ ông Nguyễn Minh Hvà bà Nguyễn Thị D, địa chỉ thửa đất tại thôn 1, xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Quyền sử dụng 9.600m^2 đất, thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 8 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: P039093, số vào sổ cấp GCN: 212738 do Ủy ban nhân dân huyện Ea H'Leo cấp ngày 10/10/2001 cho hộ ông Nguyễn Hải H, địa chỉ thửa đất tại xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 24/12/2018 tặng cho Nguyễn Minh H và Nguyễn Thị D.

Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Lê Văn Thông, số 000053, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/01/2019. Như vậy, hợp đồng thế chấp tài sản trên có giá trị pháp lý, cần chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận nên cần buộc ông H bà D phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp tạm ứng. Vì vậy, ông H bà D có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[5] Về án phí dân sự: Do yêu cầu của ngân hàng thương mại cổ phần S có căn cứ nên cần buộc ông H bà D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông H thuộc diện hộ nghèo, có đơn đề nghị miễn án phí dân sự nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Minh H. Cần trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự cho ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 159, Điều 160; Điều 161; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 463, khoản 1 Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 33, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 40, Điều 48, Điều 54 của Luật Công chứng 2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền là 508.003.228 đồng (Năm trăm linh tám triệu, không trăm linh ba nghìn, hai trăm hai mươi tám đồng); trong đó, tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là 69.123.288 đồng; tiền lãi vượt trong hạn 38.880.000 đồng (lãi tạm tính đến ngày 10/8/2021).

Kể từ ngày 11/8/2021 ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trong trường hợp ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho ngân hàng thương mại cổ phần S thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 168m^2 đất, thuộc thửa đất số 762, tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BN562917, số vào sổ cấp GCN: CH01015 do Ủy ban nhân dân huyện Ea H'Leo cấp ngày 02/7/2013 cho hộ ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D, địa chỉ thửa đất tại thôn 1, xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Quyền sử dụng 9.600m^2 đất, thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 8 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: P039093, số vào sổ cấp GCN: 212738 do Ủy ban nhân dân huyện Ea H'Leo cấp ngày 10/10/2001 cho hộ ông Nguyễn Hải H, địa chỉ thửa đất tại xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 24/12/2018 tặng cho cho Nguyễn Minh H và Nguyễn Thị D để thu hồi nợ.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền này ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp tạm ứng nên ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D phải chịu 24.320.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông H thuộc diện hộ nghèo, có đơn đề nghị miễn án phí dân sự nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Minh H. Trả lại cho ngân hàng thương mại cổ phần S 10.962.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2020/0000223, ngày 24/3/2021.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S; bị đơn ông Nguyễn Minh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Phạm Đăng Khoa